

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI K98

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI K98

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: K98 TRANSPORTATION CONSTRUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: K98 CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 2400766466

3. Ngày thành lập: 06/07/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 351 đường Nguyễn Thị Lưu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0912 453 100

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
2.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
3.	Khai thác và thu gom than non	0520
4.	Khai thác quặng sắt	0710
5.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
6.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
7.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
8.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810(Chính)
9.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
11.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
15.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
16.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
17.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
18.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

19.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
20.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
21.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
22.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
23.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
24.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
25.	Thu gom rác thải độc hại	3812
26.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
27.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
28.	Tái chế phế liệu	3830
29.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
30.	Xây dựng nhà các loại	4100
31.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
32.	Xây dựng công trình công ích	4220
33.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
34.	Phá dỡ	4311
35.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
36.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
37.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
38.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
39.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
40.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xử lý chống mối công trình xây dựng	4390
41.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
42.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
43.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
44.	Bán buôn thực phẩm	4632
45.	Bán buôn đồ uống	4633
46.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ kinh doanh dược phẩm)	4649
47.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
48.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
49.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
50.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782

51.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
52.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty sản xuất, kinh doanh	8299
54.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
55.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn	7220
56.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe tải, xe công trình	7710
57.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
58.	Đại lý du lịch	7911
59.	Điều hành tua du lịch	7912
60.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ(%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ LÝ	Thôn Hoài Chung, Xã Liên Bảo, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	15.000.000.000	30,00	125481714	
2	NGUYỄN THỊ TRỌNG	Phố Cốc, Xã Đình Trì, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	15.000.000.000	30,00	121593839	
3	NGUYỄN KIM CƯỜNG	Phố Mới, Phường Đồng Nguyên, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	20.000.000.000	40,00	125626326	

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ LÝ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 17/12/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125481714

Ngày cấp: 08/06/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Hoài Chung, Xã Liên Bảo, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Thôn Hoài Chung, Xã Liên Bảo, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang